

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỌ XUÂN
TỈNH THANH HOÁ
Số: 03 /2020/QĐST - DS

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Thọ Xuân ngày 17 tháng 01 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 09/01/2020 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 39/2019/TLST-DS ngày 04/12/2019

Căn cứ khoản 3 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 7 Điều 27 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có sự đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự :

Nguyên đơn: Bà Trịnh Thị H - Sinh năm 1959

Địa chỉ: Thôn P , xã N , huyện T , tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Trịnh Minh T - Sinh năm 1981

Địa chỉ: Thôn P , xã N huyện T , tỉnh Thanh Hóa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Trịnh Văn T - Sinh năm 1984,

Trú tại: Thôn P , xã Na , huyện T , tỉnh Thanh Hóa

- Anh Trịnh Thanh T -Sinh năm 1988

Trú tại: Thôn P , xã N , huyện T , tỉnh Thanh Hóa.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

***Phần di sản thừa kế các bên thống nhất thỏa thuận:**

- Về phần di sản thừa kế theo của anh Trịnh Minh T được hưởng anh để lại cho Bà Trịnh Thị H và anh Trịnh Văn T , anh Trịnh Thanh T1.

- Bà Trịnh Thị H , anh Trịnh Văn T và anh Trịnh Thanh T1 thỏa thuận chia mảnh đất đang đứng tên ông Trịnh Văn Đ và bà Trịnh Thị H là tài sản chung của vợ chồng (Phần đất của bà H và phần chia di sản thừa kế) tại thửa đất số 24 tờ bản đồ số 01 diện tích 421m2 tại thôn P xã N , huyện T , tỉnh Thanh Hóa trị giá đất là 168.400.000đ (Một trăm sáu tám triệu bốn trăm nghìn đồng). Làm ba phần theo thứ tự như sau;

Chia phần cho anh Trịnh Thanh T được hưởng là 102m² có kích thước chiều rộng phía Nam giáp đường giao thông là 5m, chiều rộng phía Bắc giáp thửa đất số 19 (hộ bà Lê Thị Th) là 5.16m, chiều dài phía tây giáp ngõ xóm là 19.77m, chiều dài phía Đông là 20,95m; trị giá = 40.8.000.000đ, (Bốn mươi triệu tám trăm nghìn đồng).

Chia phần của bà Trịnh Thị H được hưởng là 168m² có kích thước chiều rộng phía Nam giáp đường giao thông là 9,37m, chiều rộng phía Bắc giáp thửa đất số 19 (hộ bà Lê Thị Th) là 6,23mm, chiều dài phía tây giáp đất anh T là 20,95m, chiều dài phía Đông giáp đất anh Tú là 22,55m, trị giá = 67.200.000đ (Sáu bảy triệu hai trăm nghìn đồng).

Chia phần của anh Trịnh Văn T1 được hưởng là 151m² có kích thước chiều rộng phía Nam giáp đường giao thông là 6,90m, chiều rộng phía Bắc giáp thửa đất số 19 (hộ bà Lê Thị Th) là 5.50m, chiều dài phía Tây giáp đất của tôi là 22,55mm, chiều dài phía Đông giáp thửa đất số 18 (hộ ông Lê Khả B) có các cạnh 5,89m và 18,19m, trị giá = 60.400.000đ (Sáu mươi triệu bốn trăm nghìn đồng) cho các hàng thừa kế.

- Về tài sản trên đất gồm: Một ngôi nhà chính 04 gian cấp 4 xây tường lợp ngói; 01 nhà ngang xây tường lợp tôn; 01 nhà bếp hai gian; một nhà tắm; mai tôn không còn giá trị sử dụng. Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, các bên thỏa thuận phần các tài sản trên nằm trên đất của ai người đó được quyền quản lý và sử dụng.

- Các đương sự liên hệ với chính quyền địa phương để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

-Về án phí: Các bên thống nhất thỏa thuận bà Trịnh Thị H nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 4.210.000đ (Bốn triệu hai trăm mười nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền 4.210.000đ (Bốn triệu hai trăm mười nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu số: AA/2017/0004780 ngày 04/12/2019. Bà Trịnh Thị H đã nộp đủ án phí. Bà Trịnh Thị H phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 3.000.000đ (Ba triệu đồng) bà H đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

NGUYỄN TRỌNG HIỀN

